

Số: /BC-SCT

Quảng Trị, ngày tháng 8 năm 2023

## **BÁO CÁO**

### **Tình hình phát triển công nghiệp, thương mại tháng 8 năm 2023**

#### **I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại**

##### **1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp**

###### *1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:*

Tháng 8/2023, hoạt động sản xuất công nghiệp duy trì mức tăng ổn định. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tăng 1,2% so với tháng trước và tăng 9,06% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó: ngành công nghiệp khai khoáng tăng 8,06%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 3,85%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 20,82%; ngành cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 0,85% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2023, hoạt động sản xuất công nghiệp còn gặp khó khăn, các ngành hàng dệt may, chế biến gỗ xuất khẩu đơn hàng giảm; một số doanh nghiệp trong tỉnh do áp lực giá thành, khó khăn trong khâu tiêu thụ nên tốc độ tăng trưởng có chậm lại. Chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 9,47% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó: Ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí đạt mức tăng cao nhất (+23,37%); cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 5,07%; công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 4,23%; ngành công nghiệp khai khoáng tăng 0,98% so với cùng kỳ năm trước.

###### *1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:*

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong tháng 8 năm 2023 tăng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Điện sản xuất tăng 24,23%; bia lon tăng 95,10%; vỏ bào dăm gỗ tăng 10,02%; Sản phẩm giấy bìa tăng 36,84% (*phát sinh thêm dự án mới*); gạch xây tăng 122,23%. Một số sản phẩm giảm so với cùng kỳ năm trước: Ván gỗ MDF giảm 22,35%; gỗ xẻ giảm 34,71%; tinh bột sắn giảm 33,08%; lốp xe máy giảm 21,33%; dầu thông giảm 32,10% so với cùng kỳ năm trước.

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu trong 8 tháng năm 2023 so với cùng kỳ năm trước tăng cao: Bia lon tăng 127,98%; gạch khối bằng bê tông tăng 103,64%; điện sản xuất tăng 26,82%... Một số sản phẩm tăng ổn định như: điện thương phẩm tăng 8,54%; quần áo may sẵn tăng 7,71%; nước máy tăng 5,85%; dầu nhựa thông tăng 5,69%; đá xây dựng tăng 5,57%; thủy hải sản chế biến tăng 3,05%; tinh bột sắn tăng 2,49%; nước hoa quả, tăng lực tăng 0,79%... Một số sản phẩm giảm: Gạch xây dựng giảm 2,54%; dăm gỗ giảm

4,67%; lớp dùng cho xe máy, xe đạp giảm 8,57%; phân hóa học giảm 11,76%; xi măng giảm 13,30%; tấm lợp pro xi măng giảm 8,63%; sảm dùng cho xe máy, xe đạp giảm 20,13%; gỗ cửa hoặc xẻ giảm 28,40%; ván ép giảm 32,19%...

## **2. Lĩnh vực thương mại, dịch vụ và giá cả tiêu dùng**

Trong tháng 8/2023, hoạt động thương mại, dịch vụ phát triển ổn định. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ ước đạt 2.585,92 tỷ đồng, tăng 15,39% so với tháng cùng kỳ năm trước. Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa 2.049,32 tỷ đồng, tăng 14,23%; doanh thu lưu trú và ăn uống 408,20 tỷ đồng, tăng 30,91%; doanh thu dịch vụ lữ hành 0,25 tỷ đồng, giảm 30,36%; doanh thu dịch vụ khác 128,15 tỷ đồng, giảm 4,99% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung trong 8 tháng năm 2023, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng ước tính đạt 20.579,49 tỷ đồng, tăng 16,10% so với cùng kỳ năm trước và đạt 64,34% so với kế hoạch năm 2023 (là 32.000 tỷ đồng). Trong đó, doanh thu bán lẻ hàng hóa ước đạt 16.439,17 tỷ đồng, chiếm 79,88% tổng mức và tăng 14,90% so với cùng kỳ năm trước; dịch vụ lưu trú và ăn uống ước đạt 3.097,57 tỷ đồng, chiếm 15,05% tổng mức và tăng 28,63%; du lịch lữ hành ước đạt 3,11 tỷ đồng, chiếm 0,02% tổng mức và tăng 28,57%; dịch vụ khác ước đạt 1.039,64 tỷ đồng, chiếm 5,05% tổng mức và tăng 3,19% so với cùng kỳ năm trước.

Giá nhiên liệu trong nước điều chỉnh theo giá nhiên liệu thế giới; Giá gas và giá các loại lương thực, thực phẩm và hàng hóa tăng, các yếu tố trên chỉ số giá tiêu dùng (CPI) của tỉnh Quảng Trị trong tháng 8 năm 2023 tăng 0,8% so tháng trước; tăng 2,66% so với cùng kỳ năm trước; tăng 2,3% so với tháng 12 năm trước. Tính chung, chỉ số giá tiêu dùng bình quân 8 tháng năm 2023 tăng 3,50% so với cùng kỳ năm trước (8 tháng năm 2022 tăng 3,58%).

## **II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương**

- Tham mưu, báo cáo UBND tỉnh về rà soát các văn bản quy định quản lý kinh phí và chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương tỉnh; Trình UBND tỉnh ban hành Kế hoạch bình chọn sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu tỉnh năm 2024. Tổ chức kiểm tra thực hiện các đề án khuyến công tỉnh và đề xuất điều chỉnh các đề án khuyến công quốc gia năm 2023.

- Thỏa thuận điều chỉnh các CCN trên địa bàn huyện Triệu Phong, Gio Linh trong phương án phát triển ngành công nghiệp tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2021-2030; Thực hiện các nhiệm vụ liên quan công tác quản lý cụm công nghiệp; Hướng dẫn thành lập cụm công nghiệp Tây Vĩnh Linh theo chỉ đạo UBND tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030; Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025; Hoàn thiện các ý kiến tham gia đối với Dự thảo Quyết định về việc ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước về kinh doanh xăng dầu; Hoàn chỉnh các nội dung thuộc Kế hoạch hoạt động của Ban chuyển đổi số và chỉ số hỗ trợ doanh nghiệp (PCI) tỉnh.

- Báo cáo đề xuất UBND tỉnh nghiên cứu tiền khả thi dự án đầu tư xây dựng hệ thống băng tải vận chuyển than từ cửa khẩu La Lay về cảng Mỹ Thủy; Chuẩn bị và tham gia Hội nghị đánh giá tình hình thực thi các FTA thế hệ mới mà Việt Nam đã tham gia và đề xuất các giải pháp. Triển khai thực hiện Nghị định số 38/2023/NĐ-CP ngày 28/06/2023 của Chính phủ.

- Trình UBND tỉnh chủ trương và kinh phí tổ chức tham gia triển lãm "Festival Nông sản Việt Nam - Vĩnh Long năm 2023. Chuẩn bị nội dung, tổ chức làm việc với Đoàn công tác Hội đồng doanh nghiệp Thái Lan - Việt Nam; Triển khai các nội dung liên quan thuộc Đề án phát triển cây ăn quả chủ lực và ngành hoa - cây cảnh tỉnh đến năm 2030;

- Tham mưu thỏa thuận và thống nhất Phương án di dời 02 đường dây tải điện 110kV ảnh hưởng tới bề mặt giới hạn chướng ngại vật hàng không (*tỉnh không*) của Dự án đầu tư xây dựng Cảng Hàng không Quảng Trị theo phương thức đối tác công tư (PPP); Hoàn thiện hồ sơ và báo cáo giải trình ý kiến các Bộ, ngành Trung ương về Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị; Hoàn thiện báo cáo nội dung tham dự Hội thảo cơ chế, chính sách, giải pháp đảm bảo phát triển năng lượng bền vững tầm nhìn đến năm 2050.

- Tham mưu văn bản xin ý kiến Bộ Xây dựng, Bộ Công Thương về Dự án Trung tâm Điện khí LNG Hải Lăng, giai đoạn 1 - 1.500MW; Hoàn thiện hồ sơ và báo cáo giải trình ý kiến các Bộ, ngành Trung ương về Nhiệm vụ điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu Kinh tế Đông Nam Quảng Trị. Báo cáo nội dung tham dự Hội thảo cơ chế, chính sách, giải pháp đảm bảo phát triển năng lượng bền vững tầm nhìn đến năm 2050; Báo cáo số liệu hoạt động phục vụ kiểm kê khí nhà kính ngành Công Thương giai đoạn 2020-2022;

- Báo cáo kết quả giải quyết, giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri sau kỳ họp thứ 5, Quốc hội khóa XV. Hoàn thành rà soát, đề xuất, sửa đổi, bổ sung các quy định bất cập những vấn đề vướng mắc trong các Luật hiện hành theo chỉ đạo của UBND tỉnh. Triển khai phổ biến, tuyên truyền giới thiệu kết quả pháp điển đã được phê duyệt; Hoàn chỉnh và triển khai Kế hoạch Hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2023 của Sở.

- Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số Nghị quyết số 01-NQ/BCSD ngày 05/6/2023 và Nghị quyết 02-NQ/BCSD ngày

27/6/2023 của Ban Cán sự Đảng UBND về quyết tâm thực hiện các giải pháp cải thiện, nâng cao Chỉ số cải cách hành chính (*PAR INDEX*), chỉ số hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (*SIPAS*) và Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (*PAPI*) trên địa bàn đến năm 2025; Kế hoạch triển khai các nội dung cam kết duy trì, nâng cao chỉ số *PAR INDEX*, *SIPAS*, *PAPI* năm 2023; Đề xuất nội dung Hiến kế nâng cao chất lượng công tác CCHC do Sở Nội vụ phát động năm 2023.

- Phân công công tác của Giám đốc và các Phó Giám đốc Sở; Xây dựng Kế hoạch về thực hiện quy trình nhân sự bổ nhiệm chức vụ Phó Trưởng phòng Quản lý Năng lượng theo thẩm quyền quản lý của Sở đã được Cấp ủy Chi bộ thông qua. Tham gia Tổ giúp việc Hội đồng tuyển dụng công chức của tỉnh. Tham gia Tọa đàm công tác QLNN về lĩnh vực năng lượng 63 tỉnh, thành. Cung cấp tài liệu liên quan phục vụ kiểm tra việc sử dụng số liệu, thông tin thống kê; Triển khai thực hiện các Nghị quyết kỳ họp thứ 18 và kỳ họp thứ 19 HĐND tỉnh khóa VIII.

- Tổ chức các hoạt động hưởng ứng đợt cao điểm hỗ trợ người dân thực hiện dịch vụ công trực tuyến và phát động phong trào tuổi trẻ Ngành Công Thương đẩy mạnh cải cách hành chính năm 2023. Triển khai rà soát, cập nhật Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2015; báo cáo tình hình thực hiện Nghị quyết số 49/2023/NQ-HĐND ngày 19/7/2023 của HĐND; Đơn đốc triển khai thực hiện Công điện số 644/CD-TTg ngày 13/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ. Thực hiện các hoạt động vệ sinh cơ quan, chặt, tỉa, hạ tán cây xanh trong khuôn viên Trụ sở cơ quan và công tác phòng, chống mùa mưa, bão năm 2023.

### **III. Một số nhiệm vụ công tác trọng tâm tháng 9 năm 2023**

- Tiếp tục đôn đốc thực hiện các nội dung cam kết giữa Tập thể lãnh đạo và Giám đốc Sở với Ban Thường vụ Tỉnh ủy năm 2023; Các nội dung liên quan tại Chương trình công tác trọng tâm của Tỉnh ủy, UBND tỉnh; Các nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao trên Hệ thống phần mềm theo dõi nhiệm vụ của tỉnh; Các nội dung cam kết duy trì, nâng cao chỉ số *PAR INDEX*, *SIPAS*, *PAPI* năm 2023.

- Tiếp tục nắm tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp, các dự án đầu tư; Tham mưu các giải pháp hỗ trợ tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp, đơn vị trong ngành theo sự chỉ đạo của UBND tỉnh; Thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (*đối với chỉ số Hỗ trợ doanh nghiệp*) trong năm 2023.

- Xây dựng Đề cương và Dự toán lập Đề án “Tái cơ cấu ngành Công Thương tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến năm 2030”; Đề án phát triển ngành công nghiệp Dệt May và Da Giày giai đoạn 2023- 2030; Xây dựng Kế hoạch Điều tra thống kê quốc gia Năng lực sản xuất của sản phẩm công nghiệp năm 2024.

- Chỉ đạo triển khai các đề án khuyến công tỉnh và quốc gia trên địa bàn tỉnh năm 2023. Trình ban hành Quy định về quản lý kinh phí và chương trình, kế hoạch, đề án khuyến công địa phương tỉnh. Triển khai công tác hỗ trợ thủ tục cấp giấy xác nhận ưu đãi và hỗ trợ theo Chương trình khuyến công đối với công nghiệp hỗ trợ trên địa bàn.

- Tiếp tục hỗ trợ nhà đầu tư các dự án trọng điểm trên địa bàn để sớm triển khai thực hiện. Tập trung hỗ trợ các nhà đầu tư đẩy nhanh tiến độ thực hiện đầu tư các dự án điện gió đã được cấp chủ trương đầu tư sau khi có chủ trương chuyển tiếp về giá. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện và tăng cường kiểm tra công tác an toàn lưới điện; an toàn các hồ đập thủy điện, hành lang an toàn lưới điện cao áp trên địa bàn trước mùa mưa, lũ.

- Tiếp tục phối hợp với BQL dự án các công trình điện miền Trung (chủ đầu tư) và UBND huyện Hải Lăng, các Sở ngành liên quan hỗ trợ đẩy nhanh công tác GPMB dự án Trạm biến áp 500kV Quảng Trị và đường dây đầu nối Quảng Trị - Vũng Áng - Đà Nẵng.

- Tham mưu UBND tỉnh ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch thực hiện Chiến lược Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; Tiếp tục triển khai thực hiện Chương trình phát triển thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giai đoạn 2021-2025

- Hỗ trợ đưa sản phẩm nông sản đặc trưng của tỉnh (*từ 7-10 sản phẩm*) vào hệ thống siêu thị, chuỗi cửa hàng bán lẻ hiện đại, điểm trưng bày giới thiệu sản phẩm trên địa bàn tỉnh; Xây dựng dự thảo Quyết định thay thế Quyết định số 36/2019/QĐ-UBND ngày 8/8/2019 ban hành Quy chế Quản lý và thực hiện Chương trình XTTM tỉnh.

- Tham mưu UBND tỉnh xây dựng Dự thảo Quy chế phối hợp quản lý nhà nước đối với hoạt động kinh doanh xăng dầu trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Tham mưu trình UBND tỉnh về thực hiện Thông tư số 15/2023/TT-BCT ngày 30/6/2023 Sửa đổi, bổ sung một số thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Công Thương (xây dựng dự thảo Quyết định Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định ban hành kèm theo Quyết định số 16/2022/QĐ-UBND ngày 20/5/2022 của UBND tỉnh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Công Thương). Báo cáo giải trình đối với đánh giá chấm điểm và xếp loại mức độ hoàn thành nhiệm vụ; chỉ số cải cách hành chính của Sở 6 tháng đầu năm 2023.

- Xây dựng Kế hoạch phát động phong trào thi đua CCHC ngành Công Thương giai đoạn 2023-2025; Đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống quản lý nhà nước lĩnh vực Công Thương thuộc phạm vi quản lý của UBND tỉnh. Đề xuất giải pháp nâng cao hiệu quả công tác cải cách thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; tăng cường triển khai dịch vụ công trực tuyến, thanh toán không dùng tiền mặt, tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả qua dịch vụ bưu chính công ích, chứng thực bản

sao điện tử. Thực hiện báo cáo tình hình cải cách thủ tục hành chính của Sở Công Thương; Đơn đốc báo cáo phục vụ Hội nghị Ngành Công Thương 15 tỉnh miền Trung -Tây Nguyên.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp, thương mại và công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 8 năm 2023; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh./.

***Nơi nhận:***

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CTĐP, Vụ KH-BCT;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh;
- Sở KH & ĐT;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng, đơn vị thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Xuân Minh**

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị  
 Đơn vị nhận b/c: - UBND tỉnh Quảng Trị;  
 - Vụ Kế hoạch (BCT)

Biểu số 01/SCT-BCT  
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

**BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI**  
**Tháng 8 và 8 tháng năm 2023**

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện tháng cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
<b>I</b>	<b>Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu</b>	<b>Sản phẩm</b>								
1	Quặng inmenit và tinh quặng inmenit	Tấn	2202	2156	14951	2041	14293	97.92%	105.63%	104.61%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	704.26	716	5614	582	5816	101.62%	122.93%	96.54%
3	Đá xây dựng	M3	70237.80	66451	483820	59853	458279	94.61%	111.02%	105.57%
4	Tinh bột sắn	Tấn	352	2517	40001	3761	39030	714.29%	66.92%	102.49%
5	Bia lon	1000 lít	2669	2627	18997	1346	8332	98.41%	195.10%	227.98%
6	Nước hoa quả, tăng lực	1000 lít	1237	1312	8123	1311	8059	106.06%	100.08%	100.79%
7	Bộ com-lê, quần áo	1000 cái	2435.71	2295	20647	2181	19169	94.22%	105.24%	107.71%
8	Gỗ cưa, gỗ xẻ	M3	4636	4339	39191	6645	54735	93.59%	65.29%	71.60%
9	Dăm gỗ	Tấn	56329	55498	333108	50445	349410	98.53%	110.02%	95.33%
10	Ván ép	M3	12842	13000	122014	16741	179934	101.23%	77.65%	67.81%
11	Colophan và axit nhựa cây	Tấn	663	600	4982	706	4575	90.51%	84.94%	108.91%

12	Phân hoá học (NPK)	Tấn	2117	1620	25214	1721	28574	76.52%	94.13%	88.24%
13	Lốp xe các loại	1000 cái	247	250	2097	318	2294	101.21%	78.67%	91.43%
14	Săm xe các loại	1000 cái	409	415	3584	410	4487	101.47%	101.30%	79.87%
15	Gạch xây dựng bằng đất sét nung (trừ gồm, sứ) quy chuẩn 220x105x60mm	1000 viên	11587	12460	94672	13672	97135	107.53%	91.13%	97.46%
16	Gạch và gạch khối xây dựng bằng xi măng, bê tông	1000 viên	10607	9671	64842	4352	31841	91.18%	222.23%	203.64%
17	Xi măng	Tấn	20742	22500	155871	19925	179778	108.48%	112.92%	86.70%
18	Tấm lợp pro xi măng	1000 m <sup>2</sup>	119	118	1483	246	1822	99.16%	47.97%	81.37%
19	Điện sản xuất	Triệu KWh	256	262	2049	211	1616	102.45%	124.23%	126.82%
20	Điện thương phẩm	Triệu KWh	78	77	542	74	499	98.72%	104.05%	108.54%
21	Nước máy	1000 m <sup>3</sup>	1388	1389	10484	1383	9904	100.08%	100.43%	105.85%
<b>II</b>	<b>Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2594.12</b>	<b>2585.92</b>	<b>20579.5</b>	<b>2241.08</b>	<b>17725.40</b>	<b>99.68%</b>	<b>115.39%</b>	<b>116.10%</b>
<b>1</b>	<b>Doanh thu bán lẻ hàng hóa</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>2050.27</b>	<b>2049.32</b>	<b>16439.17</b>	<b>1794.03</b>	<b>14307.37</b>	<b>99.95%</b>	<b>114.23%</b>	<b>114.90%</b>
<b>2</b>	<b>Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ</b>		<b>543.85</b>	<b>536.60</b>	<b>4140.31</b>	<b>447.06</b>	<b>3418.03</b>	<b>98.67%</b>	<b>120.03%</b>	<b>121.13%</b>
<b>2.1</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)</b>	<b>Tỷ đồng</b>	<b>418.03</b>	<b>408.45</b>	<b>3100.68</b>	<b>312.18</b>	<b>2410.54</b>	<b>97.71%</b>	<b>130.84%</b>	<b>128.63%</b>
	Dịch vụ lưu trú và ăn uống		417.54	408.20	3097.57	311.82	2408.12	97.76%	130.91%	128.63%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	0.49	0.25	3.11	0.36	2.42	51.44%	69.64%	128.57%
<b>2.2</b>	<b>Doanh thu hoạt động dịch vụ khác</b>	<b>"</b>	<b>125.83</b>	<b>128.15</b>	<b>1039.62</b>	<b>134.88</b>	<b>1007.49</b>	<b>101.85%</b>	<b>95.01%</b>	<b>103.19%</b>



## SỞ CÔNG THƯƠNG

Biểu 02/SCT

## CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP

Tháng 8 và 8 tháng đầu năm 2023

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 7/2023		Dự ước tháng 8/2023			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8/2023 so với tháng 8/2022
	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng cùng kỳ năm trước	So với tháng bình quân năm 2015	So với tháng trước	So với tháng cùng kỳ năm trước	
A	1	2	3	4	5	6
<b>Toàn ngành</b>	<b>229.94</b>	<b>107.32</b>	<b>232.70</b>	<b>101.20</b>	<b>109.06</b>	<b>109.47</b>
1. Công nghiệp khai khoáng	138.44	104.90	135.21	97.67	108.06	100.98
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	190.34	102.21	194.07	101.96	103.85	104.23
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	496.47	118.92	499.15	100.54	120.82	123.37
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	130.25	100.53	130.77	100.40	100.85	105.02